TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 -7 - 2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Đặng Quang Vọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Lại Kỳ N, sinh năm 1959 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà D và ông N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/4/1998. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khá hòa thuận. Nhưng sau đó, giữa bà D và ông N thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đời sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của hai bên quá khác biệt nên không có tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được người thân trong gia đình cũng như cơ quan hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không được khắc phục. Gần 01 năm nay vợ chồng không còn sống chung, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Do đó, bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà D và ông N có hai con chung là Lại Phước N – sinh ngày 23/4/1999 và Lại Minh N – sinh ngày 15/3/2001. Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lại Kỳ N trình bày:

Ông N thống nhất với trình bày của bà D về việc ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/4/1998 và ông N cũng thừa nhận trong quá trình chung sống giữa ông và bà D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự khác biệt về tác phong sinh hoạt thường ngày. Bà D thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến ông, những lần vợ chồng mâu thuẫn bà D thường bỏ về nhà mẹ bà D sống. Nay với yêu cầu ly hôn của bà D, ông không đồng ý với lý do ông mong muốn bà D cho ông thêm cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Ông N thống nhất với ý kiến của bà D và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà D khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với bị đơn ông N trú tại khu H, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bà D và ông N kết hôn trên có sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/4/1998, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, Bà D và ông N đều thống nhất trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thống nhất về tình trạng, mức độ mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng bà D ông N cư trú và người nhà bà D thì được biết mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã diễn ra trong thời gian dài, người thân và cơ quan nơi hai vợ chồng bà D và ông N công tác đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái nhưng đến nay tình trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông N vẫn tiếp tục xảy ra và gần 01 năm nay bà D ông N không còn chung sống với nhau, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D ông N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4]. Về con chung: Bà D và ông N thống nhất có hai con chung là Lại Phước N – sinh ngày 23/4/1999 và Lại Minh N – sinh ngày 15/3/2001. Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông N thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N D được ly hôn với ông Lại Kỳ N.

2. Về án phí:

Bà D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006285 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 31/7/2019.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
-UBND phường T(số 224, quyển 01, ngày 29/4/1998);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Tịnh